TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 462/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 113/2023/TLST - HNGĐ ngày 07/3/2023 về việc "Yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Dương Đức N, sinh năm 1972;
2/ Bà Hà Thị Kim B, sinh năm 1974;
Cùng địa chỉ: 160/90C NVQ, Khu phố 1, phường PT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996 (Giấy chứng nhận kết hôn số 21/1996 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quy Đông, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/1996).

Quá trình chung sống giữa ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B có có 02 người con chung họ tên là Dương Đắc T, sinh ngày 25/11/1996 (đã trưởng thành) và Dương Quế A, sinh ngày 16/01/2000 (đã trưởng thành);

[3] Về tài sản chung: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị Kim B và ông Dương Đức N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 21/1996 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quy Đông, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/1996).

1.2. Về con chung: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B có có 02 người con chung họ tên là Dương Đắc T, sinh ngày 25/11/1996 (đã trưởng thành) và Dương Quế A, sinh ngày 16/01/2000 (đã trưởng thành);

1.3. Về tài sản chung: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Ông Dương Đức N và bà Hà Thị Kim B không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Kim B và ông Dương Đức N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015597 ngày 07/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM. Vậy, bà Hà Thị Kim B và ông Dương Đức N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND xã Tân Quy Đông, huyện Nhà Bè, Tp.HCM
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang